

Bản án số: **07/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 02-02-2021

V/v: “Tranh chấp về ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Hữu Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thư.

2. Bà Trần Thị Thu Ba.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Huỳnh Tứ – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: bà Doãn Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 265/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2020, về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2020/QĐ-HPT ngày 19 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Lê Thị L, sinh năm 1998; Địa chỉ thường trú: khu phố PL, phường HHN, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Hiện trú tại: thôn HC, xã HTT, huyện TH, tỉnh Phú Yên (Vắng mặt).

2. Bị đơn: ông Nguyễn Châu T1, sinh năm: 1994; Trú tại: khu phố PL, phường HHN, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/10/2020, tài liệu có tại hồ sơ bà Lê Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà (Lê Thị L) và ông (Nguyễn Châu T1) tự nguyện tìm hiểu và kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 49/2018 cấp ngày 20/06/2018 tại UBND xã HHN, huyện Đ, tỉnh Phú Yên (nay là phường HHN, thị xã Đ). Sau khi kết hôn, bà L và ông T1 sống hạnh phúc thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn; quan điểm sống mỗi người một hướng, ông T1 không

chịu đi làm để chăm lo cuộc sống gia đình. Đến giữa năm 2019, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, ông T1 thường xuyên tụ tập bạn bè ăn nhậu; bà và ông T1 đã sống ly thân, bà đã bỏ về gia đình mẹ ruột sinh sống từ đó đến nay; bà sinh con là cháu Nguyễn Châu Thanh T2 nhưng ông T1 cũng không thăm hỏi và không trợ cấp nuôi con, mà còn về xin tiền gia đình bà; mâu thuẫn của bà và ông T1 đã được gia đình hai bên hàn gắn nhưng không thành. Nay, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà L xin được ly hôn ông T1.

Về con chung: bà L và ông T1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Châu Thanh T2 (sinh ngày 03/5/2018). Sau ly hôn, bà L xin được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: bà L và ông T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Châu T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt suốt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ và thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng, đảm bảo cho đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ. Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, về quan hệ hôn nhân cho bà Lê Thị L được ly hôn ông Nguyễn Châu T1; về con chung: giao con chung tên cháu Nguyễn Châu Thanh T2 (sinh ngày 03/5/2018) cho bà Lê Thị L tiếp tục nuôi dưỡng; về tài sản chung và nợ: không yêu cầu giải quyết nên không xét. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về phần xin ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; **căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến Kiểm sát viên;** Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: bà Lê Thị L (bà L) khởi kiện xin ly hôn ông Nguyễn Châu T1 (ông T1) và giải quyết các vấn đề về con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 35, điểm a

khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa.

[1.2] Nguyên đơn bà L có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông T1 đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà L và ông T1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HHN, huyện Đ, tỉnh Phú Yên (nay là phường HHN, thị xã Đ) vào năm 2018, là hôn nhân hợp pháp. Hôn nhân giữa bà L và ông T1 đã rạn nứt trầm trọng, hai bên tự sống xa nhau một thời gian, bà L và cháu Nguyễn Châu Thanh T2 (con chung) về gia đình mẹ ruột ở thôn HC, xã HTT, huyện TH, tỉnh Phú Yên sinh sống cho đến nay nhưng ông T1 vẫn không quan tâm. Điều này phù hợp lời khai của ông Nguyễn Văn C (cha ruột của Nguyễn Châu T1) “Trong quá trình chung sống, con tôi (T1) và bà L có xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, sống không hạnh phúc; con tôi (T1) và bà L đã tự xa nhau sống ly thân, không ai quan tâm đến ai từ cuối năm 2019 cho đến nay. Con tôi (T1) bận đi làm nên không đến Tòa giải quyết được, con tôi (T1) đồng ý ly hôn”.

Xét thấy, giữa bà L và ông T1 đã tự cắt đứt liên lạc với nhau, không còn quan tâm nhau, tình cảm vợ chồng không còn; mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Lê Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Châu T1, để đảm bảo các bên ổn định cuộc sống riêng.

[2.2] Về con chung: bà L và ông T1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Châu Thanh T2 (sinh ngày 03/5/2018). Bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Xét thấy, bà L có đủ sức khỏe, có thu nhập ổn định, cháu Nguyễn Châu Thanh T2 còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L, giao cháu Nguyễn Châu Thanh T2 cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông T1 được quyền chăm sóc, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Ông T1 vắng mặt trong quá trình giải quyết nên ông T1 không có ý kiến về phần cấp dưỡng nuôi con; bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con; do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con.

Các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: bà L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Lê Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Châu T1.

2. Về con chung: giao cháu Nguyễn Châu Thanh T2 (sinh ngày 03/5/2018) cho bà Lê Thị L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Ông Nguyễn Châu T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: bà Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (đã nộp đủ), được khấu trừ 300.000 đồng theo Biên lai tạm ứng án phí số 0003734 ngày 16/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thị xã Đông Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Đông Hòa;
- Các đương sự;
- UBND phường HHN;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Duyên